TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/DS-ST
Ngày 04-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Quốc Tứ và bà Phan Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2026/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng – *Vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường B, tỉnh Lâm Đồng – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- Bị đơn: Ông Đặng Hữu D, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng – *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05-11-2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 27-01-2019, bà Đoàn Thị T cho ông Đặng Hữu D vay số tiền 29.800.000 đồng, việc vay mượn có lập giấy viết tay do bà T viết và ông D ký tên người mượn. Trong giấy mượn tiền không ghi thời hạn vay; không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000

đồng/ngày. Từ khi vay đến nay, ông D chưa trả cho bà T khoản tiền gốc và lãi nào. Ngày 22-10-2025, bà T làm thông báo yêu cầu ông D trả nợ trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nhưng đến nay ông D không trả. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông D phải trả lại số tiền đã vay là 29.800.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là: 29.800.000 đồng x 20%/năm x 06 năm 01 tháng = 35.000.000 đồng; tổng cộng tiền gốc và lãi là 64.800.000 đồng.

Ngày 03-3-2026, người đại diện theo ủy quyền của bà T nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 35.000.000 đồng, chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông D phải trả lại số tiền gốc 29.800.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Hữu D trình bày:

Khoảng 05 đến 06 năm về trước, ông có vay tiền của bà T 02 lần: Lần thứ nhất vay 30.000.000 đồng, lần thứ hai vay 10.000.000 đồng. Lãi suất vay thời điểm đó là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, có giấy hợp đồng vay, số chứng minh nhân dân của ông và chữ ký trả tiền, được lưu lại trên cuốn sổ lưu trữ của bà T. Sau khi vay ông đã trả được số tiền lãi 12.000.000 đồng. Vì vợ ông bị tai biến nặng nên ông trực tiếp gặp bà T để xin trả lại khoản nợ gốc là 40.000.000 đồng, đối với tiền lãi còn lại thì ông sẽ trả sau và bà T đồng ý.

Ông thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 27-01-2019 đúng là của ông, nhưng ông ký trong sổ của bà T chứ không phải chỉ một mảnh giấy nhỏ như bà T giao nộp cho Tòa án. Do đó, ông yêu cầu bà T phải nộp tất cả giấy tờ vay, trả và ký tên trong cuốn sổ lưu của bà T ra đối chiếu thì ông mới công nhận, còn bà T dùng tờ giấy nhỏ để kiện ông thì ông không đồng ý. Nếu bà T có đầy đủ giấy tờ mà ông yêu cầu thì tiền lãi còn lại của số tiền gốc 40.000.000 đồng là bao nhiêu ông sẽ trả cho bà T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung vụ án, phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 357, Điều 463, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T, buộc ông Đặng Hữu Dũng phải trả cho bà Đoàn Thị T số tiền nợ gốc 29.800.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T về tính lãi suất.

- Buộc ông Đặng Hữu D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho bà Đoàn Thị T số tiền 1.620.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền gốc đã vay và lãi suất nên quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*).

[1.3]. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là tiền riêng của nguyên đơn, không liên quan đến chồng nguyên đơn là ông Hồ Viết Th; bị đơn trình bày việc vay mượn giữa bị đơn với nguyên đơn không liên quan đến vợ bị đơn là bà Nguyễn Thị H. Do đó, Tòa án không đưa ông Hồ Viết Th và bà Nguyễn Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.4]. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại số tiền gốc đã vay là 29.800.000 đồng:

[2.1.1]. Nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là tờ giấy viết tay nội dung: "*ngày 27/1/2019 anh D mượn: 29.800 (hai mươi chín triệu tám trăm), người mượn ký tên Đặng Hữu D*". Bị đơn thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 27-01-2019 là của bị đơn nhưng bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải giao nộp tất cả giấy tờ vay, trả và ký tên trong cuốn sổ lưu của nguyên đơn ra đối chiếu thì bị đơn mới công nhận, còn nguyên đơn dùng tờ giấy nhỏ để kiện thì bị đơn không đồng ý. Xét thấy, hợp đồng vay tiền không phải là giao dịch có quy định bắt buộc về hình thức nên không có căn cứ yêu cầu nguyên đơn giao nộp toàn bộ cuốn sổ ghi nợ của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn trình bày bị đơn đã đọc kỹ tờ giấy trước khi ký, bị đơn không ký vào tờ giấy trắng mà ký vào tờ giấy có nội dung bị đơn trả tiền cho nguyên đơn chứ không phải nội dung bị đơn mượn nguyên đơn số tiền 29.800.000 đồng như tờ giấy nguyên đơn giao nộp cho Tòa án. Hội đồng xét xử

đã giải thích cho bị đơn về quyền yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định tờ giấy mượn tiền để làm rõ có dấu hiệu tẩy xóa hay không và có đúng chữ ký của bị đơn hay không, tuy nhiên bị đơn xác định không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định. Mặt khác, bị đơn cho rằng khi bị đơn ký vào tờ giấy là ký xác nhận nội dung trả tiền thì lẽ ra bị đơn phải là người giữ giấy trả tiền mới phù hợp nhưng bị đơn lại không cung cấp được cho Tòa án là mâu thuẫn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, nguyên đơn cung cấp tờ giấy mượn tiền và bị đơn thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền đúng là của bị đơn nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ xác định số tiền bị đơn vay của nguyên đơn là 29.800.000 đồng.

[2.1.2]. Từ sau khi vay tiền đến nay, bị đơn chưa trả cho nguyên đơn được khoản tiền nào. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay 29.800.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Ngày 03-3-2026, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 35.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[2.3]. Từ những vấn đề phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay là 29.800.000 đồng; đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 35.000.000 đồng.

[2.4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*); áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T: Buộc ông Đặng Hữu D phải trả cho bà Đoàn Thị T số tiền đã vay là 29.800.000đ (*hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T về việc buộc ông Đặng Hữu D phải trả cho bà Đoàn Thị T số tiền lãi 35.000.000đ (*ba mươi lăm triệu đồng*).

3. Về án phí:

3.1. Buộc ông Đặng Hữu D phải chịu 1.490.000đ (*một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Trả lại cho bà Đoàn Thị T số tiền 1.620.000đ (*một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Y ngày 15-01-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TAND KHU VỰC 7

KMQ040326.TL.QDBA
511

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Trang